TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **112**/2025/DS-ST
Ngày: 26-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Kháng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vũ

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Như Muội - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-DS ngày 20/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐ-TA ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ: Số B, B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Võ Hoàng T - Chức vụ: Phó phòng phụ trách Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh A -Phòng G. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang).

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ái L, sinh năm 2006. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993 và ông Trần Thanh N, sinh năm 1990 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Ái L có vay nợ của Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng cho vay số 202327158261 ký ngày 10/07/2023 và Giấy nhận nợ số LD2319100698 ký ngày 10/07/2023 giữa bà Nguyễn Ái L với Ngân hàng TMCP S, phòng giao dịch huyện G vay số tiền 580.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (Lãi trả 06 tháng/lần vào ngày 10/01/2024 và 10/07/2024, gốc trả cuối kỳ vào ngày 10/07/2024), thời điểm trả hết nợ là ngày 10/7/2024, lãi suất cho vay 13%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 118,6m^2, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 220-2020; Tọa lạc tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY609184 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 31/12/2020 cho bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Văn N1 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 202307042138034 ký ngày 10/07/2023).

- Quyền sử dụng đất có diện tích 6.497,3m^2, thửa đất số 01, Tờ bản đồ số 190-2021; Tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp T, xã V, tỉnh An Giang). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 272286 do UBND huyện V cấp ngày 26/01/2022 cho bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Văn N1 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 202307042138027 ký ngày 10/07/2023).

Trong quá trình vay, từ ngày vay đến nay bà Nguyễn Ái L chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi và vốn vay. Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà L và cùng bên bảo đảm là bà T1, ông N1 đồng thời yêu cầu các bên có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để các bên trả nợ, tuy nhiên các bên vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng; bà L, cùng với bà T1, ông N1 đã vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp đã ký.

Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu buộc bà Nguyễn Ái L phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 802.052.250 đồng (trong đó nợ gốc 580.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 75.606.575 đồng, lãi quá hạn 137.269.315 đồng và lãi phạt 9.176.360 đồng) và lãi phát sinh sau ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trong trường hợp bà Nguyễn Ái L không trả được nợ, yêu cầu Tòa án cho phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp thuộc sở hữu của bên bảo đảm là bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Văn N1 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Ái L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn N1, Tòa án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Tòa án đã triệu tập hai lần đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà Nguyễn Ái L, Nguyễn Thị T1, Trần Văn N1 không có văn bản nêu ý kiến và đều vắng mặt các lần Tòa án triệu tập nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Ái L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 802.052.250 đồng (trong đó nợ gốc 580.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 75.606.575 đồng, lãi quá hạn 137.269.315 đồng và lãi phạt 9.176.360 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong hết nợ. Nếu bà Nguyễn Ái L thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên phát mãi các tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Võ Hoàng T có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Ái L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang) nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Ái L thực hiện nghĩa vụ trả tiền còn thiếu tại Hợp đồng cho vay số 202327158261 ký ngày 10/07/2023 và Giấy nhận nợ số LD2319100698 ký ngày 10/07/2023 của bà Nguyễn Ái L. Trong giấy nhận nợ của bà Nguyễn Ái L có ghi mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn sản

xuất nông nghiệp nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng theo quy định pháp luật.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ái L có vay vốn tại Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng cho vay số 202327158261 ký ngày 10/07/2023 và Giấy nhận nợ số LD2319100698 ký ngày 10/07/2023 giữa bà Nguyễn Ái L với Ngân hàng TMCP S, phòng giao dịch huyện G vay số tiền 580.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (Lãi trả 06 tháng/lần vào ngày 10/01/2024 và 10/07/2024, gốc trả cuối kỳ vào ngày 10/07/2024), thời điểm trả hết nợ là ngày 10/7/2024, lãi suất cho vay 13%/năm. Số tiền nợ gốc là 580.000.000đồng, số tiền lãi tính đến ngày 26/9/2025 là 222.052.250 đồng, tổng cộng bà Nguyễn Ái L phải thanh toán cho Ngân hàng là 802.052.250 đồng. Xét thấy, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng vay trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, đến nay thì bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà L còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 580.000.000 đồng. Do đó, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nêu trên mà hai bên đã ký kết; vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cho nên việc Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà L phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc 580.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Ái L có trách nhiệm thanh toán tiền lãi suất chưa nộp đến ngày 26/9/2025 là 222.052.250 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L phải trả nợ lãi là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày 27/9/2025 là ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Ái L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi phạt chậm trả trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi vay mà bà L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là 802.052.250 đồng (trong đó nợ gốc là 580.000.000 đồng và tiền lãi 222.052.250 đồng).

[4.3] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn thấy rằng: Để bảm bảo cho khoản nợ vay nợ gốc 580.000.000 đồng nói trên, bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Văn N1 đã thế chấp Quyền sử dụng đất có diện tích 118,6m^2, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 220-2020; Tọa lạc tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY609184 do

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 31/12/2020 cho bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Văn N1 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 202307042138034 ký ngày 10/07/2023) và Quyền sử dụng đất có diện tích 6.497,3m^2, thửa đất số 01, Tờ bản đồ số 190-2021; Tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp T, xã V, tỉnh An Giang). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 272286 do UBND huyện V cấp ngày 26/01/2022 cho bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Văn N1 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 202307042138027 ký ngày 10/07/2023) để đảm bảo cho khoản vay tín dụng của bà Nguyễn Ái L.

Xét thấy hợp đồng thế chấp QSD đất của bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Văn N1 là tự nguyện thực hiện và được đăng ký theo quy định pháp luật. Tại các biên bản làm việc bị đơn bà Nguyễn Ái L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 thống nhất cho xử lý tài sản thế chấp khi không còn khả năng thanh toán nợ. Do đó, Trong trường hợp bà Nguyễn Ái L không thực hiện việc trả nợ thì các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn N1 sẽ bị xử lý theo Điều 299 của Bộ luật dân sự để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Trường hợp bị đơn tất toán xong số tiền nợ thì ngân hàng phải làm thủ tục xoá thế chấp và trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn N1 các giấy tờ đã thế chấp cho ngân hàng.

[5] Từ những cơ sở phân tích tại các mục số [4.1], [4.2], [4.3] nêu trên, xét thấy lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn bà Nguyễn Ái L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466 và 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Ái L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 802.052.250 đồng (trong đó nợ gốc là 580.000.000 đồng và tiền lãi 222.052.250 đồng).

Kể từ ngày 27/9/2025, bà Nguyễn Ái L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

2. Về tài sản thế chấp:

Nếu bị đơn bà Nguyễn Ái L không trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền trên cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 118,6m^2, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 220-2020; Tọa lạc tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY609184 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 31/12/2020 cho bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Văn N1 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 202307042138034 ký ngày 10/07/2023) và quyền sử dụng đất có diện tích 6.497,3m^2, thửa đất số 01, Tờ bản đồ số 190-2021; Tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp T, xã V, tỉnh An Giang). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 272286 do UBND huyện V cấp ngày 26/01/2022 cho bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Văn N1 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 202307042138027 ký ngày 10/07/2023) để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Trường hợp bị đơn tất toán xong số tiền nợ thì ngân hàng phải làm thủ tục xoá thế chấp và trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn N1 các giấy tờ đã thế chấp cho ngân hàng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Ái L phải chịu án phí sơ thẩm của số tiền 802.052.250 đồng là 36.000.000 đồng + (3% x 2.052.250 đồng) = 36.061.567 đồng (làm tròn 36.061.000 đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.794.000 đồng theo biên lai thu số 0002583 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh An Giang).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 6;
- Phòng THADS khu vực 6;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Kháng